TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 65/2023/HNGĐ - ST. Ngày: 09/6/2023. V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Hùng;
2. Ông Mùa A Phềnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 09/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2023/TLST – HNGĐ ngày 20/4/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXX - ST ngày 24/5/2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T – Sinh năm 1991 "có mặt".

Địa chỉ: Bản H L C, xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1990 "vắng mặt".

NĐKHKTT: Bản P L, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Hiện nay: Đang chấp hành án tại đội 12, phân trại số 01, trại giam Nà Tấu, Cục C10, Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/4/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Tuấn lấy nhau từ ngày 04/5/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tuấn nghiện ma túy, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Sau đó anh Tuấn vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Đ B xét xử hai lần. Hiện nay đang chấp hành án tại đội 12, phân trại số 01, trại giam Nà Tấu, Cục C10, Bộ Công an.

Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh Tuấn không còn, nên tôi làm đơn này xin được đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tuấn.

2. Về con chung: Chị Tính khai vợ chồng có 01 con chung là: Lò Thị Vân Anh, sinh ngày 09/4/2010.

Chị Tính có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2023 anh Lò Văn T (bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Tính lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chúng tôi kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Do tôi vi phạm pháp luật năm 2013 và bị xử phạt tù, hiện nay đang chấp hành án, nay cô Tính làm đơn xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Anh Tuấn khai vợ chồng có 01 con chung là Lò Thị Vân Anh, sinh ngày 09/4/2010.

Nguyện vọng của anh Tuấn là khi chấp hành xong hình phạt tù thì sẽ mong Tòa án xem xét lại về nuôi con.

Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không có.

Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Tính phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Tính đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005188 ngày 20/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị T, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tính xin ly hôn với anh Tuấn, anh Tuấn có hộ khẩu thường trú tại xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Tính và anh Tuấn kết hôn năm 2010, đến năm 2023 thì chị Tính khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và do anh Tuấn vi phạm pháp luật và đang chấp hành án. Chị Tính xác định tình cảm của mình đối với anh Tuấn không còn nữa. Quá trình giải quyết vụ án chị Tính vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Tính khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tính và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là Lò Thị Vân Anh, sinh ngày 09/4/2010.

Chị Tính có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Lò Thị Vân Anh là có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh Tuấn đang phải chấp hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị Tính và giao cháu Vân Anh cho chị Tính trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tính không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Tính phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Tính đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005188 ngày 20/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

[8]. Đối với việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì lý do đang phải chấp hành án nên không có điều kiện đến phiên tòa để xét xử và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử: Cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Tính và giao con chung là cháu Lò Thị Vân Anh, sinh ngày 09/4/2010 cho chị Tính trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Tính về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về Tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Tính phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Tính đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005188 ngày 20/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Tính đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS;

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã T H, H ĐB;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Đăng Hùng	Lường Văn Lương	Mùa A Phềnh
HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Nguyễn Đăng Hùng	Lường Văn Lương	Nguyễn Thị Phương